

Số: /QĐ-BTC

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Tiêu chí đánh giá giải pháp sáng tạo kỹ thuật tham dự
Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Giang lần thứ 9, năm 2020-2021**

BAN TỔ CHỨC HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH BẮC GIANG LẦN THỨ 9

Căn cứ Thể lệ Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc lần thứ 16 (2020-2021) ban hành kèm theo Quyết định số 349/QĐ-LHHVN ngày 06/5/2020 của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh về việc tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần thứ 9, năm 2020-2021; Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 11/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần thứ 9, năm 2020-2021;

Theo đề nghị của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh (sau khi thống nhất ý kiến các thành viên Ban Tổ chức Hội thi) tại Công văn số 252/LHH ngày 27/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chí đánh giá giải pháp sáng tạo kỹ thuật tham dự Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Giang lần thứ 9, năm 2020-2021.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ban Tổ chức Hội thi, Hội đồng Giám khảo Hội thi, các tổ chức, cá nhân tham dự Hội thi căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Các ban, cơ quan thuộc HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các tổ chức Hội cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh (03 bản);
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, KT;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN**

**Lê Ánh Dương
PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

TIÊU CHÍ

**Đánh giá giải pháp sáng tạo kỹ thuật tham dự
Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Giang lần thứ 9, năm 2020-2021**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTCHT ngày / 9/ 2020
của Ban Tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Giang lần thứ 9)

1. Mô tả tiêu chí đánh giá giải pháp sáng tạo kỹ thuật dự thi

a) Tính mới, tính sáng tạo so với giải pháp sáng tạo kỹ thuật tương tự đã có

+ Tính mới: Giải pháp sáng tạo kỹ thuật (sau đây gọi tắt là giải pháp) lần đầu tiên thực hiện trong nước (không trùng với giải pháp đã công bố trong bất kỳ nguồn thông tin nào hoặc đã được áp dụng ở trong nước trước ngày nhận hồ sơ), được nghiên cứu, ứng dụng đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao trên địa bàn tỉnh.

+ Tính sáng tạo: Giải pháp đã được mô tả, công bố trong các nguồn thông tin hoặc giải pháp đã có ở tỉnh nhưng lần đầu tiên được áp dụng, chế tạo và có cải tiến so với giải pháp hiện có.

b) Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và hiệu quả xã hội vượt trội

Giải pháp mang lại lợi ích kinh tế - xã hội cao hơn so với giải pháp tương tự đã được thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, quá trình áp dụng không tác động xấu đến môi trường tự nhiên và xã hội. Lợi ích có thể tính được thành tiền hoặc không tính thành tiền:

- Lợi ích được tính thành tiền là tiền thu được do áp dụng giải pháp. Giá trị lợi ích được xác định thông qua tổng số tiền tiết kiệm được do áp dụng giải pháp (giảm chi phí nhân lực, quản lý, tiền vốn, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, khấu hao tài sản cố định; tăng năng suất lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tăng doanh thu...) và được chứng minh bằng hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng sản xuất thử, hợp đồng bán hàng hoặc hóa đơn bán hàng.

- Lợi ích không tính được thành tiền là lợi ích liên quan đến giáo dục, sức khỏe, môi trường và đời sống con người như: cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập, khám chữa bệnh, cải thiện điều kiện sống, điều kiện lao động, tạo thêm ngành nghề mới (giảm tiếng ồn, độ độc hại; nâng cao an toàn lao động, an toàn giao thông; bảo vệ môi trường; tăng khả năng quốc phòng an ninh và trật tự xã hội; tạo thêm việc làm cho người lao động...). Giá trị lợi ích được xác định thông qua các chỉ tiêu như: hiệu quả kỹ thuật, khối lượng và phạm vi áp dụng giải pháp, mức độ phức tạp của giải pháp, giá trị khoa học kỹ thuật, số người đã được hưởng lợi,...

c) Khả năng áp dụng rộng rãi trong điều kiện của tỉnh Bắc Giang

Giải pháp dự thi đã được áp dụng ít nhất 01 năm (12 tháng) tính đến điểm nộp hồ sơ dự thi, hoặc đã được thử nghiệm, sản xuất thử, hoặc được chứng minh khả năng áp dụng có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Thang điểm đánh giá các giải pháp dự thi theo từng tiêu chí

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa
1	Tính mới, tính sáng tạo: được xác định theo một trong hai trường hợp sau:	25
	- Nếu giải pháp chưa bộc lộ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang dưới hình thức sử dụng hoặc mô tả trong các nguồn thông tin kỹ thuật đã phổ biến.	25
	- Nếu các giải pháp đã mô tả trong các nguồn thông tin có ở trong tỉnh hoặc sản phẩm đã có trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nhưng lần đầu tiên được áp dụng, chế tạo và có cải tiến so với giải pháp hiện có.	20
2	Hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, xã hội: được quy định cụ thể cho từng lĩnh vực như sau:	50
	* Các lĩnh vực: (1) Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông; (2) Cơ khí, tự động hoá, xây dựng, giao thông vận tải; (3) Vật liệu, hoá chất, năng lượng.	
	- Hiệu quả kinh tế: được xác định theo một trong hai trường hợp sau:	15
	+ Có minh chứng so sánh các chỉ tiêu tiết kiệm được, được tính toán cụ thể trên cơ sở kết quả thực nghiệm, áp dụng giải pháp kỹ thuật dự thi với giải pháp đã biết.	15
	+ Có minh chứng và phân tích, đánh giá những lợi ích có thể đạt được khi áp dụng giải pháp vào thực tiễn sản xuất và đời sống.	10
	- Hiệu quả kỹ thuật: Được thể hiện bằng những chi tiết kỹ thuật mới tiến bộ hơn của giải pháp dự thi so với giải pháp đã biết.	25
	- Hiệu quả xã hội: Được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện sống, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, nâng cao an toàn lao động, cải tạo và bảo vệ môi trường.	10
	* Lĩnh vực: Nông, lâm, ngư nghiệp, tài nguyên và môi trường.	
	- Hiệu quả kinh tế: được xác định theo một trong hai trường hợp sau:	25
	+ Có minh chứng so sánh các chỉ tiêu tiết kiệm được, được tính toán cụ thể trên cơ sở kết quả thực nghiệm, áp dụng giải pháp dự thi với giải pháp đã biết.	25
	+ Có minh chứng và phân tích, đánh giá những lợi ích có thể đạt được khi áp dụng giải pháp vào thực tiễn sản xuất và đời sống.	15
	- Hiệu quả kỹ thuật: Được thể hiện bằng những chi tiết kỹ thuật mới tiến bộ hơn của giải pháp dự thi so với giải pháp đã biết.	15

	- <i>Hiệu quả xã hội</i> : Được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện sống, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, nâng cao an toàn lao động, cải tạo và bảo vệ môi trường.	10
* Lĩnh vực: Y được, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe.		
	- <i>Hiệu quả kinh tế</i> : Có minh chứng so sánh các chỉ tiêu tiết kiệm được, được tính toán cụ thể trên cơ sở kết quả thực nghiệm, áp dụng giải pháp dự thi với giải pháp đã biết.	15
	- <i>Hiệu quả kỹ thuật</i> : Được thể hiện bằng những chỉ tiết kỹ thuật mới tiến bộ hơn của giải pháp dự thi so với giải pháp đã biết.	25
	- <i>Hiệu quả xã hội</i> : Được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện sống, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, nâng cao an toàn lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh nhân.	10
* Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo.		
	- <i>Hiệu quả kinh tế</i> : được xác định theo một trong hai trường hợp sau:	15
	+ Có minh chứng so sánh các chỉ tiêu tiết kiệm được, được tính toán cụ thể trên cơ sở kết quả thực nghiệm, áp dụng giải pháp dự thi với giải pháp đã biết.	15
	+ Có minh chứng và phân tích, đánh giá những lợi ích có thể đạt được khi áp dụng giải pháp vào thực tiễn.	10
	- <i>Hiệu quả kỹ thuật</i> : Được thể hiện bằng những chỉ tiết kỹ thuật mới tiến bộ hơn của giải pháp dự thi so với giải pháp đã biết.	10
	- <i>Hiệu quả xã hội</i> : Được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện học tập, giảng dạy, quản lý góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.	25
3	<i>Khả năng áp dụng</i> : được xác định theo một trong ba trường hợp sau:	25
	- Giải pháp đã được áp dụng rộng rãi ra ngoài đơn vị tạo ra giải pháp ban đầu.	25
	- Giải pháp đã được áp dụng trong thực tế ở một đơn vị hoặc đã sản xuất thử nghiệm nhưng có khả năng áp dụng rộng rãi.	15
	- Giải pháp chưa được áp dụng nhưng qua phân tích, đánh giá có khả năng áp dụng trong thực tế.	10

3. Khung điểm đánh giá, xếp giải

Tổng điểm tối đa cho một giải pháp là 100 điểm, điểm tương ứng với giải thưởng như sau:

- Giải nhất: Giải pháp đạt từ 90 đến 100 điểm.
- Giải nhì: Giải pháp đạt từ 80 điểm trở lên.

- Giải ba: Giải pháp đạt từ 70 điểm trở lên.
- Giải khuyến khích: Giải pháp đạt từ 60 điểm trở lên.

4. Nguyên tắc đánh giá, chấm điểm

Mỗi tiêu chí tính điểm bằng cách xác định tỷ lệ đạt được của giải pháp so với yêu cầu rồi cho điểm theo tỷ lệ đạt được của giải pháp với điểm tối đa.

Trường hợp có nhiều giải pháp đủ điểm đạt cùng hạng giải, thì chọn những giải pháp có điểm từ cao xuống thấp, còn lại chuyển xuống mức giải thấp hơn, nhưng không vượt quá cơ cấu giải thưởng quy định trong Thể lệ.

Trường hợp có nhiều giải pháp có cùng số điểm đạt giải vượt quá cơ cấu quy định cho mỗi loại giải thì chọn những giải pháp theo thứ tự ưu tiên (1) có điểm trọng số cao hơn; (2) có điểm khả năng ứng dụng cao hơn; (3) có tổng điểm hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, xã hội cao hơn.

Điểm chênh lệch giữa các thành viên giám khảo đánh giá cho 01 giải pháp không được quá 20 điểm. Trường hợp nếu trong ban giám khảo có các thành viên giám khảo chấm chênh lệch nhau từ 20 điểm trở lên, trưởng ban giám khảo yêu cầu các thành viên đó phải thảo luận, phân tích, đánh giá lại. Trường hợp không đạt được sự thống nhất, thì Trưởng ban giám khảo sẽ quyết định./.